

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 59/2017/HSST

Ngày 22/12/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Phú
- **Hội thẩm nhân dân:**
 - + Ông Nguyễn Kim Đình
 - + Ông Võ Nam Phước
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ái Linh – Thư ký TAND huyện

Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông Mai Xuân Đáp – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2017/HSST ngày 24 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T**, tên gọi khác: N; sinh ngày 28/10/1979, sinh, trú quán: thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: nông; con ông Nguyễn Trung T (chết) và bà Lê Thị T (sinh năm 1944); gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ 7; vợ Nguyễn Thị Thanh V (đã ly hôn), có 01 con (sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt tại phiên tòa.*

2. **Nguyễn Quang V**, tên gọi khác: T; sinh ngày 15/4/1998; sinh quán: thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, trú quán: thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: không; con ông (chưa xác định) và bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1975); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt tại phiên tòa.*

3. **Nguyễn Hữu L**, tên gọi khác: B, sinh ngày 20/4/1998; sinh, trú quán: thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: không; con ông (chưa xác định) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1979); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt tại phiên tòa.*

1. **Người bị hại:** Chị Phạm Thị Lệ T, sinh ngày 10/8/1990

Trú tại: Khu Y, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1994. Vắng mặt

Trú tại: Khu Y, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. Vắng mặt

Trú tại: Khu S, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang V và Nguyễn Hữu L bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Văn T và Phạm Thị Lệ G có quan hệ tình cảm với nhau kể từ năm 2015. Đến khoảng giữa tháng 5 năm 2017, do T không lo làm ăn nên G quyết định chia tay với T. T nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại cho G nhưng G không trả lời nên T bực tức tìm cách bắt T để hỏi chuyện và ép G quay lại yêu T.

Khoảng 16 giờ ngày 22/5/2017, Nguyễn Văn T thuê xe ô-tô nhãn hiệu Toyota, loại xe Innova, biển số 92A-031.80 của chị Nguyễn Thị H để đi bắt G. Sau khi thuê xe, T lái xe về nhà (tại thôn H, xã N) lấy 02 chai nước lọc (một chai uống dở và một chai còn nguyên), lấy 02 đoạn dây dù, mỗi đoạn dài khoảng 01 mét, 01 cuộn băng keo và lấy một ít bột đá cho vào túi ni-lông nhỏ rồi bỏ tất cả vào cốp xe ô-tô. T gọi điện thoại cho Nguyễn Quang V rủ V đi nhậu và hỏi có ai nữa không đi luôn nhưng thực chất là T rủ đi bắt G. Lúc này, V đang ở nhà Nguyễn Hữu L nên V rủ L đi cùng thì L đồng ý rồi cả hai ra đường ĐT609 đứng chờ T đến đón. Một lát sau, T điều khiển xe ô-tô đến đón V và L. Khi lên xe, V ngồi ở hàng ghế trước bên phụ, L ngồi ở hàng ghế sau. Thấy có chai nước trên xe nên V định lấy uống thì T ngăn lại và nói: *“Thuốc ngủ đó! Đừng có uống!”* thì V không hỏi thêm nữa nhưng thực chất đây là chai nước lọc mà T đã chuẩn bị sẵn trước đó. T điều khiển xe ô-tô chạy đến trước cổng Công ty P thì dừng lại. Lúc này, T mới nói thật cho V và L biết mục đích của T là nhờ V và L giúp T bắt G để hỏi vì sao G đòi chia tay T và ép G quay lại yêu T. Nghe vậy, V và L đồng ý. Thôi đưa cho V 10.000 đồng nói V đi mua hai cái khẩu trang với mục đích để người khác không nhận ra V và L, còn T đã có sẵn khẩu trang. Sau đó, T, V và L ngồi trên xe ô-tô đợi G đi làm về (G là nhân viên Công ty P huyện Đ).

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi G điều khiển xe mô-tô từ Công ty P đi ra thì T chỉ cho V và L biết T, đồng thời T lái xe ô-tô bám đi sau G theo quốc lộ 14B hướng từ Công ty P đến thị trấn A. Khi bám theo sau được khoảng 01 ki-lô-mét, T điều khiển xe ô-tô vượt lên và ép xe mô-tô của G ngã vào đống cát bên phải đường. T nói với V và L xuống bắt G đưa lên xe thì V và L làm theo. L xuống xe ô-tô dùng tay kẹp cổ G, còn V đến tắt máy xe mô-tô của G đồng thời cùng với L bắt G đưa lên xe ô-tô. G vùng vẫy phản ứng nhưng không được. Lúc này, một số nhân viên Công ty P là bạn của G đi phía sau phát hiện sự việc liền báo Công an huyện Đ.

Sau khi đã bắt được G đưa lên xe, T liền điều khiển xe ô-tô chở V, L và G chạy về hướng thị trấn A, bỏ xe mô-tô của chị G lại hiện trường. Khi bị bắt đưa lên xe, G nhận ra T ngồi phía trước lái xe nên không phản ứng nữa. T đưa cho V và L hai sợi dây dù đã chuẩn bị sẵn trước đó rồi nói V và L trói G lại. Nghe vậy, V và L dùng dây dù cột tay và chân G lại. Khi đến ngã ba H, T đưa cho V và L 200.000 đồng để đón taxi về nhà còn T tiếp tục điều khiển xe ô-tô chở G đến ngã tư thị trấn A rồi theo đường ĐT609 đi về hướng Thị xã B. T điều khiển xe ô-tô rẽ vào con đường đất thuộc khu vực đồi B thuộc xã T, thị xã B rồi dừng xe lại. T ra hàng ghế sau, ngồi bên chị G và hỏi: *“Em có tha thứ cho anh không?”* thì G không trả lời. T bực tức nên lấy 01 chai nước còn một nửa rồi kẹp cổ và đổ vào miệng G thì G phản ứng làm rơi chai nước. T tiếp tục dùng chai nước còn nguyên và lấy gói bột đá xé ra cho vào chai nước rồi đổ vào miệng G nhưng G phun ra. Biết tính

G ngang bướng không hù dọa được nên T quay sang năn nỉ G quay lại yêu mình. Thấy T khóc lóc, van xin nên G nói tha thứ cho T và bảo T chờ về nhà. Nghe vậy, T mở trời cho G, vứt dây dù, chai nhựa tại hiện trường rồi điều khiển xe ô-tô chở G về nhà, xin lỗi gia đình G. Sau đó, G được gia đình đưa đến Công an huyện Đ trình báo sự việc.

** Vật chứng, tài liệu của vụ án thu giữ:*

- 01 (một) vỏ chai nhựa bên trong có chất bột màu trắng, vỏ chai bị móp méo.
- 02 (hai) đoạn dây dù màu xanh.

(Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý)

** Về trách nhiệm dân sự:*

Sau khi sự việc xảy ra, ngày 24/5/2017, chị Phạm Thị Lệ G đã làm đơn bãi nại, xin không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của Nguyễn Văn T đồng thời không yêu cầu bồi thường gì.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang V và Nguyễn Hữu L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Tại cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 23/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam đã truy tố Nguyễn Văn Thôi, Nguyễn Quang Vinh và Nguyễn Hữu Long về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang V và Nguyễn Hữu L phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và áp dụng Khoản 1 Điều 123, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS, Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 30 tháng đến 36 tháng; xử phạt các bị cáo Nguyễn Quang V và Nguyễn Hữu L, mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang V và Nguyễn Hữu L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

HDXX có cơ sở xác định: Chiều ngày 22/5/2017, sau khi đã thuê được xe ô tô và chuẩn bị các dụng cụ, bị cáo Nguyễn Văn T rủ các bị cáo Nguyễn Hữu L và Nguyễn Quang V đến Công ty P (Thôn M, xã Q, huyện Đ) để bắt chị Phạm Thị Lệ G nhằm mục đích ép chị G quay lại yêu T.

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi chị G điều khiển xe mô-tô từ Công ty P đi về thì T lái xe ô-tô bám theo và ép xe mô-tô của chị G ngã vào đồng cát bên phải đường, rồi nói V và L xuống bắt chị G đưa lên xe. L và V bắt chị G đưa lên xe và dùng dây dù (do bị cáo T đưa) cột chân và tay chị G lại. Khi đến ngã ba H, bị cáo T đưa cho bị cáo V và bị cáo L 200.000 đồng để đón taxi về nhà, còn T tiếp tục điều khiển xe ô-tô chở chị G đến đồi B (thuộc xã T, thị xã B). Tại đây, T có hành vi lấy 02 chai nước (trong đó có một

chai đã được T trộn bột đá) kẹp cổ và đổ vào miệng chị G. Chị G vùng vẫy phản ứng. Thấy vậy, T quay sang năn nỉ chị G quay lại yêu mình. Thấy trời đã tối và T khóc, van xin nên G nói tha thứ cho T để T chở về nhà. Nghe vậy, T mở trói cho chị G, rồi điều khiển xe ô-tô chở chị G về nhà và xin lỗi gia đình chị G.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang V và Nguyễn Hữu L đã phạm vào tội: **"Bắt, giữ người trái pháp luật"** theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

HĐXX xét thấy: Các bị cáo đều là những người khỏe mạnh, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, có hiểu biết pháp luật nhất định, nhưng coi thường kỷ cương, phép nước, bất chấp các quy định của pháp luật, đã có hành vi bắt giữ chị Phạm Thị Lệ G trái pháp luật. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo thống nhất với nhau về ý chí. Do đó, các bị cáo là đồng phạm và phải cùng nhau gánh chịu mọi hậu quả xảy ra, xâm phạm đến quyền nhân thân của con người mà còn xâm phạm nghiêm trọng trật tự trị an trên địa bàn huyện Đ, gây ra tâm lý hoang mang, lo lắng

Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, manh động, không những trong quần chúng nhân dân.

Xét vai trò và nhân thân của từng bị cáo thì thấy:

* Bị cáo **Nguyễn Văn T**, là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo V và L tham gia việc bắt chị G, đồng thời cũng là người thực hành tích cực nhất trong việc bắt giữ chị G. Do đó, phải xử lý bị cáo một cách nghiêm minh để răn đe và ngăn ngừa tội phạm và để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận tội, biết ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; mục đích bắt chị G để ép chị G quay lại tình yêu với bị cáo; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế. Bị cáo có cha ruột có công trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước. Do đó, HĐXX áp dụng điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt trong khi lượng hình.

* Bị cáo **Nguyễn Quang V** và bị cáo **Nguyễn Hữu L**: Lẽ ra, khi nghe bị cáo T rủ rê tham gia bắt giữ chị G thì hai bị cáo phải can ngăn, nhưng các bị cáo không làm vậy mà tích cực đi cùng với bị cáo T, rồi cùng nhau bắt chị G đưa lên xe ô tô để T chở đi.

Xét về nhân thân của bị cáo V thì thấy: Ngày 13/7/2015, bị Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.750.000 đồng về hành vi "Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác", bị cáo đã nộp phạt vào ngày 17/7/2015. Tính đến ngày phạm tội, bị cáo được coi là chưa bị xử lý hành chính.

Hành vi phạm tội của các bị cáo cũng cần phải xử lý một cách nghiêm minh nhằm để răn đe và ngăn ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, xét thấy khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo bị lôi cuốn bởi sự rủ rê của bị cáo T, giữ vai trò thứ yếu; các bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, thật sự biết ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, thiếu sự giáo dục của cha. Do đó, HĐXX áp dụng điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt trong khi lượng hình.

Xét thấy, các bị cáo (T, V, L) có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Do đó, HĐXX áp dụng Điều 60 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Trong vụ án này, Nguyễn Văn T còn có hành vi đổ nước có pha chất bột màu trắng vào miệng chị G, ép chị G uống với mục đích là hù dọa để chị G quay lại yêu mình. Sau khi giám định, Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng kết luận, chất bột màu trắng là bột đá, không phải là chất độc. Do đó hành vi của Nguyễn Văn T chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Đe dọa giết người” theo kết luận của cơ quan CSĐT Công an huyện Đ là phù hợp.

Đối với chiếc xe ô-tô Toyota Innova biển số 92A-031.80 mà Nguyễn Văn T thuê của chị Nguyễn Thị H dùng làm phương tiện phạm tội. Tuy nhiên chị H không biết T thuê xe dùng vào việc phạm tội nên cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trao trả cho chị H là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại (chị G) không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 76 BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng, gồm: 01 chai nhựa, bên trong có chất bột màu trắng, vỏ chai bị móp méo; 02 đoạn dây dù màu xanh.

- **Về án phí:** Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu **200.000** (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang V, Nguyễn Hữu L phạm tội: **“Bắt, giữ người trái pháp luật”.**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS

Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Văn T **18** (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **36** (Ba mươi sáu) tháng.

+ Bị cáo Nguyễn Quang V **09** (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng.

+ Bị cáo Nguyễn Hữu L **09** (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng.

Thời gian thử thách của các bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/12/2017).

Giao các bị cáo (T, V và L) cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 76 BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng: 01 chai nhựa, bên trong có chất bột màu trắng, vỏ chai bị móp méo; 02 đoạn dây dù màu xanh (*vật chứng đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý*).

- **Về án phí:** Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu **200.000** (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam
- VKSND H. Đ
- Công an H. Đ
- Bị cáo
- Người bị hại;
- Chi cục THADS H.Đ
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HUỲNH VĂN PHÚ

